LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 16

Địa 11: ĐỊA DO TƯ TẠO THÀNH 1

Đã thuyết minh về địa do Văn tạo thành.

Thế nào là địa do Tư tạo thành: Nên biết lược nêu do ba thứ Tướng:

Do Tự tánh thanh tịnh.
Do xét chọn về đối tượng nhận thức.
Do xét chọn về các pháp

Thế nào là Tự tánh thanh tịnh: Đó là chín thứ nhận thức tương ứng:

Thứ nhất: Tức như có một hữu tình ở riêng nơi chốn vắng lặng tư duy xét kỹ như chỗ đã được nghe, như đạo lý của các pháp mình đã nghiên cứu thấu đạt.

Thứ hai: Xa lìa tất cả lĩnh vực không thể nghĩ bàn, tư duy xét kỹ về nơi chốn nên tư duy.

Thứ ba: Có thể khéo nhận biết rõ về sự thuyết giảng bằng cách im lặng là sự thuyết giảng vĩ đại.

Thứ tư: Mọi sự tư duy chỉ dựa nơi nghĩa, không dựa nơi văn.

Thứ năm: Đối với phần ít pháp chỉ sanh tin hiểu, đối với phần ít pháp dùng Tuệ quan sát.

Thứ sáu: Tư duy kiên cố.

Thứ bảy: An trụ nơi tư duy.

Thứ tám: Tư duy tương tục.

Thứ chín: Nơi đối tượng được tư duy có thể khéo đạt đến cứu cánh, trọn không giữa chừng, chán nản, sợ hãi, thối lui, khuất phục. Do chín thứ tướng nầy gọi là tư duy thanh tịnh, thiện tịnh.

Thế nào là xét chọn về đối tượng nhận thức ?

Đó là khéo xét chọn về nghĩa của đối tượng được quan sát.

Những gì là nghĩa của đối tượng được quan sát ? Tức là đối tượng hữu pháp nhận biết rõ về hữu tướng. Đối với phi hữu pháp nhận biết rõ về vô tướng. Như vậy gọi là nghĩa của đối tượng được quan sát. Những gì gọi là Hữu pháp của đối tượng được quan sát ? Nên biết pháp này lược có năm thứ :

- Hữu pháp của tự tướng.
- Hữu pháp của cộng tướng.
- Hữu pháp của giả tướng.
- Hữu pháp của nhân tướng.
- Hữu pháp của quả tướng.

Những gì gọi là Hữu pháp của tự tướng? Nên biết pháp nầy lược có ba thứ:

- Có tướng thắng nghĩa.
- Có tướng tướng trạng.
- Có tướng hiện tại.

Có tướng thắng nghĩa: Đó là nghĩa lìa mọi ngôn thuyết trong các pháp là tướng không phải an lập nơi cảnh giới thuộc đối tượng hành của trí xuất thế gian.

Có tướng tướng trạng: Là do 4 thứ tướng trạng của đối tượng Quán đó là :

Thứ nhất: Nơi xứ nầy danh có thể đạt được.

Thứ hai: Nơi xứ nầy sự có thể đạt được.

Thứ ba: Danh ấy đối với sự ấy chẳng phải là không quyết định. Nghĩa là hoặc mê loạn nên không quyết định. Hoặc về vô thường nên không quyết định.

Thứ tư: Danh ấy đối với sự ấy tùy chuyển không ngăn ngại. Chẳng phải hoặc ở xứ nầy tùy chuyển, hoặc ở xứ nầy thối trở lại.

Có tướng hiện tại: Nghĩa là như đã sanh cùng tánh nhân quả. Hết thảy các thứ như thế gọi chung là Hữu pháp của một tự tướng.

Những gì gọi là Hữu pháp của cộng tướng ? Nên biết Tướng nầy lại có năm thứ, đó là:

Thứ nhất: Cộng tướng của chủng loại.

Thứ hai: Cộng tướng của chỗ tạo tác thành tựu.

Thứ ba: Cộng tướng của tất cả Hành.

Thứ tư: Cộng tướng của tất cả Hữu lậu.

Thứ năm: Cộng tướng của tất cả pháp.

- *Cộng tướng của chủng loại:* Nghĩa là chủng loại sai biệt của

sắc thọ tưởng hành thức v.v... , gọi chung là cộng tướng của một chủng loại.

- *Cộng tướng của chỗ tạo tác thành tựu:* Là pháp Hữu lậu thiện, đối với quả yêu thích đã chiêu cảm được, do cộng tướng của chỗ tạo tác đã thành tựu đầy đủ, nên gọi là cộng tướng. Như pháp Hữu lậu thiện đối với quả yêu thích đã chiêu cảm được, các pháp Bồ đề phần như tiệm tục, chánh đoạn, Thần túc, căn, lực, Giác chi, đạo chi, đối với sự chứng đắc giác ngộ, do cộng tướng của sự tạo tác có thể thành tựu đấy đủ, nên gọi là cộng tướng, phải biết cũng như vậy.

- *Cộng tướng của tất cả Hành:* Đó là Hành tướng vô thường của hết thảy Hành.

- *Cộng tướng của tất cả Hữu lậu*: Nghĩa là tướng nên tánh của Hành Hữu lậu đều khổ.

- *Cộng tướng của tất cả pháp*: Đó là tướng nơi Tánh không, vô ngã của tất cả pháp.

Hết thảy các thứ như vậy gọi chung là Hữu pháp của một cộng tướng.

Những gì gọi là Hữu pháp của Giả tướng ? Nghĩa là, nếu ở nơi xứ nầy lược có sáu thứ ngôn luận sanh khởi, nên biết xứ ấy gọi là có Giả tướng. Những gì gọi là sáu thứ ngôn luận? Đó là :

Thứ nhất: Ngôn luận tương ưng thuộc về chủ.
Thứ hai: Ngôn luận xa lìa đây kia.
Thứ ba: Ngôn luận chúng cùng nêu bày.
Thứ tư: Ngôn luận các pháp được tụ tập.
Thứ năm: Ngôn luận không hiện khắp tất cả.
Thứ sáu: Ngôn luận phi thường.

Ngôn luận tương ưng thuộc về chủ: Đó là các ngôn luận phải phối hợp thuộc về chủ mới lãnh hội tướng của nó, chẳng phải là không thuộc về chủ. Như lúc nói sanh, thì sự sanh ấy là của ai, phải đợi thuộc về chủ để khởi ngôn luận ấy. Nghĩa là sự sanh của sắc, sự sanh của Thọ Tưởng Hành, Thức. Không phải như lúc nào nói về sắc, ở đây sắc là của ai, của cái gì, phải đợi thuộc về chủ để khởi ngôn luận ấy. Như sanh, các tâm bất tương ưng hành như lão, trụ, vô thường, tùy chỗ ứng hợp của chúng, đều nên biết. Đó gọi là Ngôn luận tương ứng về chủ. Nếu ở nơi ấy dấy khởi ngôn luận ấy, nên biết xứ ấy là có Giả tướng.

Ngôn luận xa lìa đây kia: Đó là các ngôn luận chẳng phải dùng đây để hiển bày đây, cũng chẳng phải dùng kia để hiển bày kia. Như thế gọi là ngôn luận xa lìa đây kia. Nếu ngôn luận dừng đây để hiển

bày đây thì ngôn luận đó cũng ở nơi thật tướng chuyển biến, cũng ở nơi Giả tướng chuyển biến. Nếu ngôn luận dùng kia để hiểu bày kia, thì ngôn luận ấy cũng ở nơi thật tướng chuyển biến, cũng ở nơi Giả tướng chuyển biến.

Nếu ngôn luận không dùng đây để hiểu bày đây, cũng không dùng kia để hiểu bày kia, thi ngôn luận ấy hoàn toàn ở nơi Giả tướng chuyển biến thế nào là ngôn luận dùng đây để hiểu bày đây, ở nơi thật tướng chuyển biến ? Như nói sự bền chắc của đất.

Thế nào là các thứ đấy lại ở nơi Giả tướng chuyển biến? Như nói sự tròn đấy của đá.

Như sự bền chắc của đất, sự tròn đấy của đá, thì sự ẩm ướt của nước, sự nhỏ giọt của dầu, sự ấm áp của lửa, sự cháy bùng của ngọn lửa, sự chuyển động của gió, sự bốc lên của gió thổi, cũng vậy.

Thế nào là ngôn luận dùng kia để hiểu bày kia, ở nơi thật tướng chuyển biến ? Như nói Thức của Nhãn, Xúc của Thân v.v...

Thế nào là những thứ ấy lại ở nơi Giả tướng chuyển biến ? Như nói sự ăn uống, xe cộ y phục, vật dụng, trang sức v.v... mà đức phật trao cho vạn hiền đức.

Thế nào là ngôn luận không dùng đây để hiểu bày đây, cũng không dùng kia để hiểu bày kia, hoàn toàn ở nơi Giả tướng chuyển biến? Đó là như nói cửa cửa nhà, tường của nhà, miệng của bình, bụng của hũ, xe của binh, cây của rừng, mười của một trăm, ba của mười. Những thứ như thế. Gọi là ngôn luận xa lìa đây kia.

Ngôn luận chúng cùng nêu bày: Nghĩa là ở nơi tự tánh của sáu thứ Tướng trạng ngôn thuyết giả lập ngôn thuyết.

Sáu thứ tướng trạng là :

- Tướng trạng của sự việc.
- Tướng trạng của đối tượng nhận biết.
- Tướng trạng tịnh diệu v.v....
- Tướng trạng tạo lợi ích v.v...
- Tướng trạng ngôn thuyết.
- Tướng trạng của tà hạnh v.v...

Thứ nhất : Tướng trạng của sự việc. Đó là đối tượng giữ lấy của thức.

Thứ hai : Tướng trạng của đối tượng nhận biết: Là đối tượng giữ lấy của tác ý, có thể dấy khởi thức.

Thứ ba : Tướng trạng tịnh diệu v.v... Là đối tượng giữ lấy của Xúc.

Thứ tư : Tướng trạng tạo lợi ích: Là đối tượng giữ lấy của Thọ.

Thứ năm : Tướng trạng ngôn thuyết: Là đối tượng giữ lấy của Tưởng.

Thứ sáu : Tướng trạng của tà hạnh: Là đối tượng giữ lấy của Tư.

Ngôn luận của pháp được tích tập: đó là ngôn luận ở nơi nhiều thứ hòa hợp kiến lập tự tánh. Như đối với Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức bên trong kiến lập vô số ngã v.v... đối với các sự vật bên ngoài như sắc hương vị xúc hòa hợp sai biệt, kiến lập vô số ngôn luận như nhà cửa, bình áo, xe cộ, cây rừng v.v...

Ngôn luận không hiện bày khắp tất cả: đó là các ngôn luận có xứ tùy chuyển, có xứ quay trở lại. Như ở nơi nhà cửa, ngôn luận về nhà cửa : đối với các thứ nhà cửa, thì xứ xứ tùy chuyển; đối với thôn ấp, làng, xóm, đình trạm, đất nước v.v... thì liền quay trở lại.

Ở nơi vò, hũ v.v... ngôn luận về vò hũ v.v... đối với các thứ vò, hũ thì xứ xứ tùy chuyển, đối với các vật chứa đựng như bình, hũ thì liền quay trở lại. Ở nơi quân binh, ngôn luận về quân binh, thí tùy các quân binh mà chuyển. Đối với các loại khác biệt như nam, nữ, ấu thời, thiếu thời, tức liền quay trở lại. Đối với rừng, ngôn luận về rừng, thì theo các rừng chuyển. Đối với các thứ riêng biệt như cây, gốc, thân, cánh, nhánh, hoa, quả thì liền quay trở lại.

Ngôn luận phi thường : Là do bốn thứ nhận biết tương ứng:

- Do hủy hoại.
- Do không hủy hoại.
- Do gia hạnh.
- Do chuyển biến.

Thứ nhất: Do hủy hoại: Nghĩa là như bình,hũ v.v... đã bị phá vỡ, thì bình, hũ v.v... gọi là bỏ. Ngói, miểng v.v... gọi là sanh.

Thứ hai: Do không hủy hoại: Đó là vô số vật cùng hòa hợp rồi, hoặc thành dạng viên, hoặc thành dạng bột, vô số tạp vật sai biệt gọi là bỏ, các viên, bột gọi là sanh.

Thứ ba: Do Gia hạnh: đó là nơi một thỏi vàng v.v... khơi các gia hạnh tạo ra các vật dụng trang sức khác nhau như vòng, xuyến vv thỏi vàng v.v... gọi là bỏ, các vòng, xuyến v.v... gọi là sanh.

Thứ tư: Do chuyển biến: Đấy là các thứ ăn uống v.v... nơi lúc chuyển biến, các thức ăn uống gọi là bỏ. Các thứ phẩn, tiểu v.v... gọi là sanh.

Các loại như vậy, nên biết gọi là ngôn luận phi thường. Tùy nơi các vật phát khởi sáu thứ ngôn luận như thế, nên biết các vật ấy đều là

giả có. Đó gọi là Hữu pháp của Giả tướng.

- Những gì gọi là Hữu pháp của Nhân tướng?

Nên biết Nhân ấy lược có năm thứ:

- Nhân đáng yêu thích.
- Nhân không đáng yêu thích.
- Nhân nuôi lớn.
- Nhân lưu chuyển.
- Nhân hoàn diệt.

Nhân đáng yêu thích: Là pháp hữu lậu thiện.

Nhân không đáng yêu thích: Là pháp bất thiện.

Nhân nuôi lớn: Là các pháp thiện, bất thiện, vô lý, được sanh về trước từ trước, do tu tập, khéo tu tập, nên có thể khiến cho các pháp thiện, bất thiện, vô lý, được sanh sau lần lượt tăng, thắng gọi là Nhân nuôi lớn.

Nhân lưu chuyển: Đó là do chủng tử ấy, do sự huân tập ấy đối với pháp kia gọi là Nhân lưu chuyển.

Nhân hoàn diệt: Đó là các hành hoàn diệt, các thứ tạp nhiễu hoàn diệt. Tất cả khả năng đạt đến đạo tịnh tĩnh, khả năng đạt Bát Niết Bàn, khả năng hướng đến Bồ Đề, cùng tư lương và phương tiện của các khả năng ấy, đều có thể sinh khởi, có thể thành tựu đầy đủ, hết thảy mọi thứ hiện có ấy gọi là Nhân hoàn diệt.

Như thế gọi chung là Hữu pháp của Nhân tướng.

Nên phân biệt rộng, nên biết về tướng của chúng, như trong phần suy xét về Nhân Quả.

- Những gì gọi là Hữu pháp của Quả tướng:

Đó là từ nơi năm Nhân kia, hoặc sanh hoặc đạt được, hoặc thành tựu hoặc đã viên mãn, hoặc chuyển biến, nên biết đó gọi là Hữu pháp của Quả tướng.

Những gì gọi là không pháp của đối tượng được quan sát? Nên biết tướng nầy cũng có năm thứ :

- Không chưa sanh.
- Không đã diệt.
- Không hỗ tương.
- Không thắng nghĩa.
- Không rốt ráo.

Thứ nhất: Không chưa sanh : Là các Hành của vị lai

Thứ hai: Không đã diệt : Là các Hành của quá khứ

Thứ ba: Không hỗ tương : Đó là các pháp còn lại do nơi tướng còn

lại, hoặc tánh xa lìa, hoặc tánh không có, hoặc các pháp còn lại cùng với các pháp khác, tánh không hòa hợp.

Thứ tư: Không thắng nghĩa : Là do sự thắng của ngôn thuyết thế tục giả đắt tánh được ngôn luận an lập.

Thứ năm: Không rốt ráo : Là loại không rốt ráo, như "cô gái đá" v.v... Lại có năm thứ có tánh, năm thứ không tánh.

Những gì gọi là năm thứ có tánh? đó là :

- Tướng Viên thành thật có tánh.
- Tướng Y tha khởi có tánh.
- Tướng Biến kế sở chấp có tánh.
- Tướng sai biệt có tánh.
- Tướng không thể nói có tánh.

Trong ấy thứ nhất là Tướng thắng nghĩa. Thứ hai là Tướng của Tướng duyên sanh. Thứ ba là Tướng giả nêu đặt. Thứ tư là Tướng bất nhị. Tướng sanh, tướng lão, tướng tục, tướng vô thường, tướng khổ, tướng không, tướng vô ngã, tướng sự việc, tướng của đối tượng nhận biết, tướng của đối tượng giữ lấy, tướng tịnh diệu v.v... các tướng như thế nên biết gọi là Tướng sai biệt. Loại thứ năm, do bốn thứ "không thể nói", nên gọi là tướng không thể nói, đó là :

Thứ nhất, do không, nên không thể nói. Nghĩa là Hữu tình đối với các uẩn kia không thể nêu rõ hoặc khác hoặc chẳng khác.

Thứ hai, do thâm diệu nên không thể nói. Đó là tánh của pháp lìa ngôn từ không thể nghĩ bàn. Pháp thân của Như Lai không thể nghĩ bàn cảnh giới của chư Phật. Như Lai sau khi diệt độ, hoặc có hoặc không v.v... là không thể tuyên thuyết.

Thứ ba, do có thể dẫn đến vô nghĩa, nên không thể nói. Đó là nếu các pháp không thể dẫn phát nghĩa pháp, phạm hạnh, chư Phật Thế Tôn tuy chứng đắc, nhưng không thuyết giảng.

Thứ tư, do chỗ an lập của pháp tướng, pháp nhĩ, nên không thể nói. Đó là chân như nơi các Hành v.v... không thể nêu rõ tánh là khác, chẳng khác.

Những gì gọi là năm thứ không tánh? đó là :

- Tướng thắng nghĩa không tánh.
- Tự tướng rốt ráo không tánh.
- Tướng không sai biệt không tánh.
- Tướng không thể nêu bày không tánh.

Thế nào là xét chọn về các pháp ? Nên biết ở đây lại có hai loại

Xét chọn về nghĩa của Tố-đát-lãm (Tuđala = Kinh)

Xét chọn về nghĩa của Già-tha (Gia tha = Kệ tụng)

Xét chọn về nghĩa của Tố-đát-lãm : Như trong phần Nhiếp sự và Giáo thọ Bồ tát tạng sẽ nói rộng.

Xét chọn về nghĩa Già-tha : Lại có ba thứ.

- Già-tha kiến lập thắng nghĩa.
- Già-tha kiến lập nghĩa lý sâu xa.
- Già-tha kiến lập nghĩa của Thể.

Thứ nhất: Già-tha kiến lập thắng nghĩa, như kinh viết:

Đầu không có chủ tể.
Cùng kẻ tạo, người nhận
Các pháp cũng không dụng
Nhưng dụng chuyển chẳng không.
Chỉ mười hai Hữu chi
Uẩn xứ Giới lưu chuyển
Xét kỹ hết thảy ấy
Chúng sanh không thủ đắc.
Nơi bên trong, bên ngoài
Là tất cả đều không
Người có thể tu không
Cũng thường không sở hữu.
Ngã, Ngã thật chẳng có
Do vọng chấp điên đảo
Hữu tình, ngã đều không
Chỉ có nhân pháp có.
Các Hành đều sát na
Trụ còn không, huống dụng
Tức nói kia sanh khởi
Là dụng, là tác giả.
Mắt không thể thấy sắc
Tai không thể nghe tiếng
Mũi không thể ngửi hương
Lưỡi không thể nếm vị.
Nhân không thể xúc biết
Ý không thể tỏ pháp
Ở đây cũng không thể
Nhận giữ và sai khiến.
Pháp không thể sanh tha
Cũng không thể tự sanh

Các duyên nên có sanh
Không cũ mới mới có.
Pháp không thể diệt tha
Cũng chẳng thể tự diệt
Các duyên có nên sanh
Sinh rồi tự nhiên diệt.
Do dựa nơi hai phẩm
Là sanh liền đạt được
Luôn nơi cảnh buông lung
Lại thăng tiến tà vạy.
Bị ngu si cuốn trôi
Bèn thăng tiến tà vạy
Các tham ái dẫn dắt
Nơi cảnh thường phóng dật.
Do các pháp có nhân
Các khổ cũng lại thế
Vì hai Hoặc căn bản
Mười hai chi phần hai.
Tự không thể tác dụng
Cũng không do tha tạo
Không gì có thể tạo
Nhưng tác dụng chẳng không.
Không trong cũng không ngoài
Không khoảng giữa hai thứ
Do vì Hành chưa sanh
Đúng thời có thể đạt.
Nếu các Hành đã sanh
Do đấy nên "không đắc"
Vị lai không có tướng
Quá khứ nên phân biệt.
Phân biệt từng trải qua
Không từng cũng phân biệt
Hành tuy không có đầu
Nhưng có đầu đạt được.
Các sắc như bọt tụ
Các thọ dường bọt nổi
Các tưởng đồng dợn nắng
Các hành như cây chuối.

Các thức như sự huyễn
Chỗ nói gọi là thân
Các Hành đồng lúc sanh
Cũng một lúc trụ diệt.
Si không thể si mình
Cũng không thể si kia
Không gì khác có si
Nhưng ngu si chẳng không.
Do tư duy không chánh
Các ngu si được sanh
Tư duy không chánh ấy
Chẳng phải không ngu khởi.
Phước phi phước, bất động
Hành có ba nên biết
Lại có ba thứ nghiệp
Hết thảy không hòa hợp.
Hiện tại mau hoại diệt
Quá khứ trụ không phương
Chưa sanh dựa các duyên
Mà tâm lại tùy chuyển.
Rốt ráo cùng tương ưng
Không tương ưng cũng thế
Chẳng tất cả, tất cả
Nhưng nói tâm tùy chuyển.
Nơi đây trôi không dứt
Tương tộ không tương tộ
Do thuận theo ngã kiến
Dụng thế tục chẳng không.
Nếu sắc thân hư hoại
Danh thân cũng diệt theo
Nói đời này đời sau
Tự tạo tự nhận quả.
Nên trước sau sai biệt
Từ nhân quả gồm thân
Một khác không thể nói.
Do nẻo nhân không dứt
Hòa hợp tác dụng chuyển
Từ tự nhân sinh khởi

Cùng thâu nhận chỗ tạo.
Ưa hý luận làm nhân
Hoặc nghiệp tịnh, bất tịnh
Các chủng tử dị thục
Và quả ái không ái.
Dựa các chủng dị thục
Ngã kiến mà sanh khởi
Từ chỗ chứng biết trong
Không sắc chẳng thể thấy.
Phàm phu không phân biệt
Chấp đấy là vội ngã
Ngã kiến làm chỗ dựa
Khởi rất nhiều vọng kiến.
Chấp chung nơi tự chủng
Trợ bạn trước đã tập
Do tùy thuận lắng nghe
Phát sanh nơi ngã kiến.
Tham ái cùng với duyên
Sinh khởi ngã bên trong
Thâu nhận nơi huy vọng
Nhiễm tập duyên bên ngoài.
Thế gian thật đáng sợ
Ngu si nên thâu nhận
Trước khởi Ái tàng rồi
Do càng hướng Hý luận.
Chỗ kẻ Ái tàng kia
Hiền Thánh rõ là khổ
Khổ bức bách kẻ ngu
Sát na không tạm dừng.
Tâm buộc không bình đẳng
Trích tập các khổ kia
Kẻ ngu thường trích tập
Chấp ngã duyên khổ vui.
Các kẻ ngu bám chặt
Như voi lớn sa lầy
Do si nên tăng thượng
Biến hành, chỗ tạo khắp.
Ao này phân các dòng

Dòng thế gian là thác
Không lửa gió, mặt trời (làm cho khô)
Chỉ trừ chánh pháp hành.
Nơi khổ chấp ngã thọ
Khổ vui biết rõ khổ
Phân biệt khởi biến ấy
Cừ kia sanh, sanh kia.
Ý luôn bị nhiễm ô
Các hoặc cùng sinh diệt
Nếu giải thoát các hoặc
Không trước cũng không sau.
Chẳng pháp kia sanh rồi
Sau tịnh khác mà sanh
Kia trước không nhiễm ô
Nói giải thoát các hoặc.
Pháp có nhiễm ô ấy
Tánh hoàn toàn thanh tịnh
Đã không đối tượng tịnh
Sao có chủ thể tịnh.
Vì các chủng tử diệt
Nên các phiền não hết
Tức nơi ấy không nhiễu
Hiển thị hai sai biệt.
Tự chứng đắc bên trong
Nên chỉ các khổ dứt
Vĩnh viễn đoạn hý luận
Hết thảy không hý luận.
Chúng sanh gọi tương tục
Và trong tướng tưởng pháp
Không lưu chuyển sanh tử
Cũng không chứng Niết-bàn.

Ở đây, nương nơi thắng nghĩa vô ngã của Hữu tình để nói rõ về Già-tha thắng nghĩa như thế. Vì nhằm đối trị kiến chấp về hai biên Tăng ích, tổn giảm.

Nơi đối tượng thâu nhận nói là chủ tể. Nơi các nghiệp dụng nói là người tạo tác. Nơi các quả báo gọi là kẻ thọ nhận. Nửa kệ tụng như vậy, nên "dị dụ" về Ngã của đối tượng phân biệt nơi nghĩa riêng.

Các pháp cũng không dụng: Là nêu dị dụ về Ngã của đối tượng

phân biệt nơi tức pháp. Nhân đấy xa lìa kiến chấp về biên Tăng ích.

Nhưng dụng chuyển chẳng không: Là hiển bày về hữu tánh của pháp. Do đấy xa lìa kiến chấp về biên Tổn giảm. Dụng có ba loại:

- Dụng của chủ tể.
- Dụng của người tạo tác.
- Dụng của kẻ thọ nhận.

Nhân nơi bụng ấy, nên giả lập chủ tể, người tạo tác, kẻ thọ nhận. Tuy nói các pháp mà chưa nêu rõ. Những gì là pháp? Nên tiếp theo nữa kệ viết: "Chỉ có mười hai chi v.v..."

Như thứ lớp Hữu chi, các uẩn cùng lưu chuyển. Đấy là hiển bày không nắm giữ về nhiều ngã vi tế, nên có thể đối trị kiến chấp về chủ tể, về người tạo tác, thọ nhận. Do nhan, sắc làm duyên, sinh ra quả Nhãn thức, không có kẻ thọ nhận riêng.ở đây hiển bày tức mười tám giới nói là Tánh của kẻ thọ nhận.

Tuy nói không chủ tể nhưng chưa rõ là không những chủ nào. Vì nhằm làm rõ điều ấy, nên kệ viết tiếp:

Xét kỹ hết thảy ấy
Chúng sanh không thủ đắc.

Nói suy xét kỹ: là do nương nơi ba lượng để quan sát, thẩm xét. Đây nếu là không, vì sao kiến lập sự thành tựu cả trong ngoài? Nên tiếp theo kệ viết:

Nơi bên trong, bên ngoài
Là tất thảy đều không.

Đây tức làm rõ: Trong ngoài chỉ là giả kiến lập.

Vì sao kiến lập: thứ chủ thể quan sát, đối tượng được quan sát, đều thành tựu? Kệ tiếp theo nói:

Người có thể không tu
Cũng thường không sở hữu.

Vì sao kiến lập Thánh giả và phàm phu, hai thứ thành tựu? Kệ viết tiếp:

Ngã, Ngã thật chẳng có
Do vọng chấp điên đảo."

Đây là làm rõ Ngã của Thánh giả và phàm phu quyết định không có tánh của Ngã chân thật, chỉ do vọng chấp điên đảo cho là có.

Vì sao kiến lập kia đây đều thành tựu? Kệ nêu tiếp:

Hữu tình Ngã đều không.

Vì sao kiến lập nhiễm tịnh thành tựu? Kệ nêu tiếp:

Chỉ có nhân pháp có.

Nên kẻ nhiễm người tịnh đều không thể đắc.

Tuy nói các pháp đều không tác dụng, nhưng chưa nêu rõ thế nào là không dụng, nên kệ viết tiếp:

Các Hành đều sát na
Trụ còn không, huống dụng.

Như trước đã nói: dụng chuyển chẳng phải là không. Vì sao không dụng mà có dụng chuyển? Nên kệ nói tiếp:

Tức nói kia sinh khởi
Là dụng là người tạo.

Quả nên nói là dụng. Nhân nên gọi là người tạo.

Kia khởi sanh: Là hiển bày từ các xứ, các thức được sanh. Chúng được sanh, chẳng phải là lìa Nhân v.v... mà chúng được thành tựu.

Như ở trước đã nêu: các pháp không dụng. Hiển bày về không dụng này lược có bảy thức:

Không dụng của tác dụng: đó là như mắt không thể thấy sắc v.v...

Không dụng của Tùy chuyển: Nghĩa là ở đây cũng không thể trụ giữ, sai khiến. Như thứ lớp, chủ tể, tác giả đều không sở hữu, nên không có tác dụng của chủ thể tùy chuyển.

Không dụng của sanh tha: Tức là pháp không thể sanh từ cái khác.

Không dụng của tự sanh: nghĩa là cũng không thể tự sanh.

Không dụng của di chuyển: là cái duyên có nên sanh, không phải là mới cũ, mới có.

Không dụng của diệt tha: là pháp không thể diệt từ cái khác.

Không dụng của tự diệt: là cũng không thể tự diệt.

Hỏi: Như các duyên có nên sanh, vậy cũng các duyên có nên diệt chăng?

Đáp: Các duyên có nên sanh. Sanh rồi tự nhiên diệt.

Như trước đã nêu: Có nhân pháp có. Nhằm hiển bày có nhân pháp có nơi tự tánh tạp nhiễm của hàng tại gia cùng với xuất gia, nên kệ nêu tiếp:

Do dựa nơi hai phẩm
Là sanh liền đạt được.

Do hai kệ ấy là làm rõ về "Có nhân pháp có" của vô minh, Ái.

Năm Tụng tiếp sau hiển bày về nhân cùng thời phần, là chỗ dựa sai biệt của phẩm loại tạp nhiễm. Trong ấy, các pháp có nhân: là vô minh cho đến Thọ.

Các khổ có nhân: Là Ái cho đến Lão, Tử. Câu này hiển thị phần

não, nghiệp sanh khởi ba thứ tạp nhiễm.

Do hai hoặc căn bản: Câu này làm rõ phiền não tạp nhiễm chỉ giữ lấp tạp nhiễm của phiền não hơn hết.

Các câu: Tự không thể tác dụng v.v... Là hiển bày riêng lần nữa về nghĩa tạp nhiễm của Nghiệp, do chỗ tạo tác của chúng có sai biệt, do dị thục của quả ấy là không thể nghĩ bàn.

"Tự không thể tác dụng": Vì phải đợi chỗ dẫn dắt của kẻ khác về bạn thiện, bạn ác.

"Cũng không do tha tạo": Vì phải đợi chỗ thành tựu đầy đủ nơi công dụng của tự mình.

"Không gì có thể tạo": Chính là phải chờ nhân sinh trước có sai biệt nên mới có chỗ tạo tác.

Các Tụng: "Không trong cũng không ngoài" v.v... làm rõ nương vào vị lai không sanh tạp nhiễm. Dựa nơi các Hành của Quá khứ, Hiện tại có thể sinh tạp nhiễm. Nếu như Hành đã sanh, tức do tướng ấy không có phân biệt. Vì vị lai không tướng nên không phân biệt như ở đây. Như vậy đương lai quyết định không thể nhận biết. Nếu không phân biệt về di loại như thế, hoặc thời có thể đạt được. Như đối với quá khứ tức có thể phân biệt như ở đây. Như vậy từng có tướng mạo có thể phân biệt, chẳng phải chỉ từng trải qua mà có thể phân biệt. Người chưa từng trải qua, tuy không phân biệt rõ ràng vì chỉ giữ lấy tướng mạo, nhưng tùy theo chủng loại, cũng có thể phân biệt. Đây tức hiển thị, dựa vào Hành hiện tại phân biệt làm nhân sanh các tạp nhiễm. Hành tuy không khởi đầu, nhưng khởi đầu có thể đạt được: Là làm rõ thời phần sai biệt của tập nhiễm, do từ vô thủy đến nay luôn theo đuổi, nơi từng sát na, sát na, cái mới luôn được sanh khởi.

Từ đây về sau là hiển bày phẩm thanh tịnh, do lúc quán như thật đạt được thanh tịnh. Hoặc do tự tướng, nghĩa là quán sắc v.v... như đám bọt nước v.v... Hoặc do cộng tướng, nghĩa là quán cộng tướng hiện có đồng sanh trụ diệt của các pháp Hữu vi. Hoặc do hai đế Thế Tục và Thắng nghĩa. Đó là tuy không có kẻ si nhưng không phải là không có ngu si. Do các duyên sinh khởi, nên Thế tục đế nói si có thể làm cho si. Lại hiển thị chẳng phải là kẻ không ngu tư duy không đúng, vì thế kẻ kia bị ngu si làm cho si mê.

Lại cho thế tục nên nêu rõ các Thức tùy theo các Hành phước, phi phước v.v... Nếu dựa nơi thắng nghĩa thì không có sự theo đuổi.

Lại ba pháp nên biết, đó là Quá khứ, Hiện tại, Vị lai.

Ba thứ nghiệp: Là nghiệp của Thân, ngữ v.v...

Hết thảy không hòa hợp: Là lại hỗ tương so với không hòa hợp.

Vì sao? Vì hiện tại mau hoại diệt, quá khứ không nơi trụ, vị lai dựa mơi các duyên, mà tâm lại tùy chuyển. Nếu kia và đây lại cùng tương ứng, như các Hành phước, phi phước v.v... không có hòa hợp. Đạo lý tương ưng của Tâm ấy cũng vậy.

Vì sao phải có tánh tùy chuyển thật? Như Tâm cùng với các Hành kia tương ứng, hoặc không tương ứng. Chẳng phải đây cùng với kia, hoặc lúc không tương ứng, hoặc lúc chẳng phải là không tương ứng. Lại, chẳng phải là tất cả Tâm, hoặc tương ứng hoặc không tương ứng. Như vậy, do Thắng nghĩa, nên tánh tùy chuyển của Tâm không được thành tựu. Nay sẽ hiển thị do thế tục nên nói nhân duyên hiện có của Tâm tùy chuyển.

Nơi dòng chảy này không dứt: Nay trong tụng ấy hiển bày về Thế tục đế không phải là không có tác dụng cùng với tùy chuyển. Lại do Thắng nghĩa không có kẻ tạo tác cùng với kẻ thọ nhận. Do thế tục nên có thể nêu rõ về tự tạo tác tự thọ nhận.

Lại, người tạo tác, kẻ thọ nhận, hoặc một hoặc khác, đều không thể nêu bày. Vì để hiển bày về nghĩa này, nên tiếp theo nêu các Tụng: Trước sau sai biệt v.v...

Như vậy, do Thắng nghĩa, nên không có chủ tể, người tạo tác, kẻ thọ nhận, chỉ có nhân quả. Nơi tướng nhân quả giải thích thông suốt các nghi hoặc vấn nạn. Lược do năm tụng hiển thị ở đây khởi điên đảo của Ngã chấp.

Tụng thứ nhất hiển bày tuy không có ngã mà có hậu hữu không có đoạn tuyệt. Lại các nhân quả chẳng phải là tức khắc cũng có, chẳng phải từ tất cả, tất cả được sanh. Lại, lý của nhân này không có dứt hẳn. Bốn câu trong tụng, theo như thứ lớp, giải thích về bốn vấn nạn ấy.

Do tụng thứ hai, hiển bày về tướng nhân quả. Do ba Tụng sau, làm rõ ở trong các nhân quả vô ngã, dấy khởi điên đảo về ngã. Trong ấy, hiển thị về cảnh của đối tượng duyên, về nơi chốn nương dựa, về nhân về quả của pháp kia.Tụng 1: hiển bày về cảnh của đối tượng duyên ấy. Chỗ chứng đắc bên trong của mình không sắc, khó thấy, khó có thể tìm cầu, suy xét. Khó nêu bày chỉ rõ cho người khác, nên không thể thấy.

Do Tụng hai, hiển bày về các việc dựa nơi quả của hành giả kia. Phàm phu là nơi dựa. Các kiến là quả.

Do tụng ba hiển bày về "Ngã kiến câu sanh" của Nhân kia. Do kế chấp chung về nơi chốn sanh khởi của tùy miên nơi tự chủng, các ngoại đạo phân biệt về ngã kiến. Vì chỗ sinh khởi của những thói quen

từ trước, kiến chấp của ngoại đạo này, chủ yếu là do luông tập quen, do tầm tư không chân chính. Lại được tùy thuận theo kẻ khác nghe, lãnh hội không phải chánh pháp, nên có thể sinh trưởng. Ở đây, hiển bày do các lỗi lầm của đối tượng duyên của tác ý được nương tựa, nên ngã kiến phân biệt mới có thể sanh khởi.

Năm Tụng tiếp theo sau hiển bày về Ngã kiến ấy là do tập, thứ lớp phát sinh nơi khổ.

Lại, tức khổ này, cùng với Ngã kiến làm nhân duyên cho hai khổ.

Lại, đối với giải thoát, có thể tạo nên chướng ngại. Trong đó tụng đầu làm rõ về Tập. Tụng thứ hai, thứ ba hiển thị về Thức hai da do Hành khổ thâu tóm. Ái tàng đối với đây rồi hướng tới Hỷ luận. Đó là ta sẽ có, chẳng phải là sẽ có.

Nói Ái tàng: Là gồm thâu làm thể của mình.

Lại nữa, khổ này, ở nơi tất cả thời hằng thường theo đuổi. Không một sát na nào tạm ngừng dứt.

Do tụng thứ tư: hiển thị khổ ấy là hay chấp Ngã cùng duyên nơi khổ lạc.

Do tụng thứ năm: Nêu rõ về chấp Ngã. Do ngu si nên gây chướng ngại cho giải thoát.

Nói Tăng thượng: Là đối chiếu với hai khổ còn lại.

Nói Biến hành: Là theo đuổi nơi các thọ.

Đối tượng tạo tác hiện bày khắp: Là nói Thiện Ác vô kỷ hiện bày khắp. Nay sẽ làm rõ Hành khổ thuộc về thức hại da, cùng tương tộ với nó. Lại hiển bày về sai biệt, do hành chánh pháp mới có thể dứt hết được. Đối với các dòng chảy của thế gian là bạo ác bậc nhất.

Nói "các dòng chảy": Ví như sáu căn như Nhân v.v... năm nẻo, ba cõi v.v...

Lại, pháp hành: Là nêu rõ sự nhận biết giải thoát biến tri và Hệ phược (ràng buộc) biến tri.

Nhận biết rõ về Hệ phược biến tri: Là nhân biết rõ về khổ. Đó là nhận biết rỏ ta thọ nhận khổ, vui, đều dựa vào nơi khổ.

Lại, sự phân biệt này có thể dấy khởi các kiến. Từ nơi các kiến chấp ấy sinh ra, cũng có thể sinh ra các kiến chấp đó.

Hiển thị sự hiểu rõ về hệ phược biến tri rồi , Tụng còn lại là làm rõ về việc nhận biết Giải thoát biến tri. Nghĩa là ý nhiễm ô luôn luôn, các Hoặc cùng sanh diệt. Nếu giải thoát các Hoặc, chẳng phải trước, cũng chẳng phải sau.

Chẳng phải trước: Là cùng với các phiền não chẳng câu sinh.

Chẳng phải sau: Là cùng với Hoặc ấy đồng thời diệt mất.

Lại hiển bày tướng giải thoát được nói đến. Đó là, chẳng phải tức pháp kia sanh rồ, sau mới thanh tịnh. Riêng có ý thanh tịnh khác sanh khởi.

Tức tướng kia trước nay không hề nhiễm ô nên gọi là Giải thoát. Vì để thành tựu nghĩa này nên kệ Tụng lại nói:

Pháp có nhiễm ô ấy
Tánh hoàn toàn thanh tịnh.

Lại nêu rõ hai thứ Giải thoát là Giải thoát phiền não và Giải thoát sự.

"Vì các chủng tử diệt. Nên các phiền não hết": Là hiển thị về Giải thoát phiền não.

"Tức nơi ấy không nhiễm": Là hiển thị về Giải thoát sự. Như nơi kinh nói: "Bí sô nên biết: Nếu đối với Mắt, tham dục đã vĩnh viễn dứt hẳn, thì mắt ấy cũng sẽ vĩnh viễn dứt trừ, cho đến nói rộng".

Như thế là đã nêu rõ về giải thoát hữu dư y, tiếp theo sẽ hiển thị về giải thoát về vô dư y.

"Tự chứng đắc bên trong": Là làm rõ chỗ chứng đắc không nghĩ bàn.

"Nên chỉ các khổ dứt": Là dứt trừ vọng chấp, chỉ giữ lấy vô tánh: tức Hữu dư y vĩnh viễn vắng lặng nên nói là tịnh diệt, chẳng phải là hoàn toàn vô tánh.

Không hý luận: Tánh của Giải thoát này chỉ là chỗ chứng đắc bên trong, hoặc khác chẳng khác, sau khi chết sẽ có hoặc sẽ không, tất cả hý luận đều không thể nêu.

Vì nhằm làm rõ Hữu tình và pháp đều không phải lưu chuyển nơi sinh tử hoặc Bát Niết bàn, nên Tụng lại nói:

Chúng sanh gọi tương tục
Và trong tướng tưởng pháp
Không lưu chuyển sanh tử
Cũng không chứng Niết bàn.

Đã giải thích Già-tha kiến lập Thắng nghĩa nơi Thánh giáo. Tiếp theo là nêu Già-tha kiến lập nghĩa lý sâu xa. Như kinh viết:

Một thời vị chủ thế giới Sách-ha (Ta bà) là Đại Phạm Thiên Vương, đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ nơi chân Phật rồi lui ra ngồi qua một bên, dùng kệ thù diệu xưng tán thỉnh nguyện:

Nơi học đến cứu cánh

Khéo đoạn các lưới nghi
Nay thỉnh cầu việc học
Vì con nói tu học.
Đại tiện nên khéo nghe
Học lược có ba loại
Giới, Tâm, Tuệ tăng thượng
Nơi ấy nên tu học.
Phải viên mãn sáu chi
Thành tựu bốn lạc trụ
Đối bốn đều bốn Hành
Trí tuệ thường thanh tịnh.
Trước khéo tục căn bản
Kế Tâm vui tịnh tĩnh
Sau: Chánh kiến, ác kiến
Tương ưng không tương ưng.
Trước tịnh, lạc Tĩnh lự
Cùng thiện xảo nơi đế
Tức ở trong các đế
Nên sanh viễn tăng trưởng.
Ở trong các Học xứ
Có bốn nẻo, ba chốn
Xa lìa nơi hai nẻo
Nơi hai nẻo chứng đắc
Hai an trụ hai loại
Một hay hướng Niết bàn
Lần lượt làm nhân duyên
Thuần, tập mà tu tập.
Trước tiên lìa ố tác
Sau cùng vui thành mãn
Các Học đó là đầu
Nơi học ấy thông sáng.
Do trí đó tu tịnh
Tịnh sanh, lạc thành mãn
Các học đó là giữa
Nơi học ấy thông sáng.
Theo tâm ấy giải thoát
Diệt hẳn các Hý luận
Các học đó là trên

Nơi học ấy thông sáng.
Nếu hành hướng bất tịnh
Cũng hướng nơi cõi thiện
Hành này gọi là đầu
Nên biết đấy chẳng chung.
Nếu Hành hướng thanh tịnh
Không các cõi cứu cánh
Hành ấy gọi là giữa
Nên biết cũng không chung.
Nếu Hành hướng thanh tịnh
Nơi các cõi cưu cánh
Hành này gọi tôn quý
Nên biết đấy tất chung.
Như hữu học, vô học
Nên biết điều thông sáng
Nếu Hữu học, vô học
Nên biết đều ngu phu.
Nếu từ bỏ thâu nhận
Cũng đoạn trừ thô trọng
Và hiện thấy sở tri
Là thọ trì ba Học.
Như có duyên không duyên
Cũng hiện rõ thô tế
Do thọ trì, xa lìa
Ngôn phát, tỏ chỗ dẫn
Học đầu chỉ có một
Học thứ hai, hai loại
Học thứ ba đủ ba
Bậc Tuệ đều siêu việt
Không hủy hoại Thi ta
Nơi học nguyền luôn thận
Khuôn phép không thuận trách
Nơi năm xứ xa lìa
Nếu không phạm xuất ly
Không ố tác, ố tác
Đối Học ấy tìm cấu
Cùng siêng tu hành kia.
Trọn không có từ bỏ

Mạng khó cũng không thiếu
Luôn trụ trong chánh hạnh
Theo tùy nại da chuyển.
Trước là nguyền tu trị
Cũng tu trị tịnh mạng
Hai biên đều xa lìa
Cũng buông bỏ nguyện tà.
Nơi các phép chướng ngại
Trọn không có nhiễm đắm
Pháp loạn tâm vừa sanh
Tìm nên mau xa lìa.
Không nổi chìm thái quá
Hằng khéo true1cha1nh niệm
Quyến thuộc căn bản tịnh
Mà tu hành phạm hạnh.
Nên phát khởi tinh tấn
Luôn kiên cố dũng mãnh
Thường tu không phóng dật
Năm chi khéo an trụ.
Ẩn các thiện của mình
Cũng phát lồ cái ác
Được các loại y phục
Xấu, đẹp đều hoan hỉ
Ít theo nơi việc đời
Thô, xấu cũng tùy chuyển
Nhận công đức đầu đà
Và lặng lìa phiền não.
Phải đấy đủ uy nghi
Ứng lượng mà thọ nhận
Trọn không có tạo tác
Dối hiện tướng oai nghi.
Không tự nói đức thật
Cũng không khiến người nói
Tuy có chỗ mong cầu
Mà không hiện tướng lạ.
Từ biên khác cầu xon
Trọn không hành bức bách
Lo phép mà đạt được

Được rồi không khinh chê
Không đắm vướng lội dưỡng
Cùng cung kính hiện có
Cũng không chấp các kiến
Tăng ích và Tổn giàu.
Không thuận chấp thế gian
Chủ thuật văn vô nghĩa
Cũng không ưa nuôi chứa
Y bát nhiều vô nghĩa.
Sợ các phiền não tăng
Không nhiễu theo việc nhà
Vì tịnh tu Trí tuệ
Nên thân cận Hiền Thánh.
Không nuôi chứa bạn bè
Sợ buồn lo phát loạn
Hay sanh phiền não khổ
Vừa khởi bèn xa lìa.
Không nhận nơi tín thể
Sợ ung nhọt gia hại
Đối chánh pháp Như-lai
Thường không hề buông bỏ.
Lỗi phạm nơi kẻ khác
An vui không gây tạo
Luôn tự xét lỗi mình
Biết rồi mau bày tỏ
Nếu phạm điều ngăn cấm
Nên như pháp xuất ly
Nơi sự việc nên làm
Phải nỗ lực tự làm.
Đối với Phật, Đệ tử
Uy đức và tôn giáo
Hết thảy và tin, nhận
Thấy tội lớn không chê.
Nơi pháp cựu thâm diện
Xứ không thể xét lường
Hay bỏ tông thầy cũ
Không chấp nhặt kiến riêng.
Thường vui sống xa lìa

Cùng biên vực ngọa cụ
Hằng tu tập pháp thiện
Vững tinh tấn, dũng mãnh.
Không có dục, sanh dục
Chẳng ghét bỏ, ghét bỏ
Lìa ngủ nghỉ, ngủ nghỉ
Lúc không trụ tịnh tĩnh
Bỏ ố tác, ố tác
Không mong lo, mong lo
Hết thảy loại, mọi thời
Thành tựu chánh phương tiện.
Dẫn phát cùng giác ngộ
Hòa hợp mọi nối kết Có
tướng hoặc thân cận
Cũng nhiều loại hỷ lạc.
Xâm bức, thật gần gũi
Gọi phân biệt hư vọng
Hay sanh nơi dục tham
Bậc Trí nên xa lìa.
Các dục kiến không đầy
Mọi người chỗ cùng có
Là nhân duyên chi pháp
Hay tăng trưởng tham ái.
Chốn Hiền Thánh nên lìa
Mau hướng đến hoại diệt
Nương nhờ nơi các duyên
Nơi nguy, lỗi dựa cậy.
Các dục như xương khô
Cũng như cục thịt mềm
Tương tệ bó đuốc cỏ
Cũng giống hầm lửa lớn.
Ví như mãng xà độc
Cũng như thấy trong miệng
Như mượn vật trang sức
Như ngon cây quả chín.
Biết các dục như thế
Đầu không nên say đắm
Nên lắng nghe chánh pháp

Thường tư duy tu tập.
Trước quán xét thô, tĩnh
Kế toàn bộ tu tập
Bỏ phiền não thô trọng
Sanh vui thích nơi đoạn.
Quan sát nơi các tướng
Được gia hạnh rốt ráo
Hay lìa dục cõi dục
Cùng lìa dục cõi sắc.
Nhập hiện quán chân đế
Lìa hết thảy các dục
Chứng Niết bàn hiện pháp
Và đoạn tận dư y.

Nơi học vấn cứu cánh, Khéo đoạn các lưới nghi, Nay thỉnh cầu việc học, vì con nói tự thọ: Ở trong Tụng này, Đại Phạm Thiên Vương, trước là tán thán Đức Thế Tôn, sau là khởi thưa thỉnh.

Tán thán Đức Thế Tôn: Đó là đối với tất cả pháp học, đã đạt được cứu cánh bậc nhất. Đây là dựa vào đức bất cộng của Hành tự lợi viên mãn mà nói.

Lại có thể khéo đoạn trừ hết thảy lưới nghi lần lượt sanh khởi. Đây là dựa vào nơi Đức bất cộng của Hành lợi tha viên mãn mà nói.

Dấy khởi thưa thỉnh: Là nêu: Những gì là học? Học có bao nhiêu loại? Vì sao đối với các loại ấy cần phải tu học?

Do vậy, Đức Thế Tôn vì nhằm khuyên răn, thúc đẩy các chúng sanh có nhiều biếng trễ phải gắng sức, nên thâu tóm chung hết thảy, lược nói về ba học. Tức tiếp theo bảo:

Đại tiên nên khéo nghe
Học lược có ba loại
Giới Tâm Tuệ tăng thượng
Nơi ấy nên tu học.

Ở đây là hiển thị: Dựa vào Giới, Tâm, Tuệ, nếu là kẻ tán loạn khiến không tán loạn, theo phương tiện mà nói Giới học tăng thượng Người tâm chưa tịnh, vì khiến tâm được định, nên theo phương tiện giảng nói về Tâm học tăng thượng. Người tâm đã được định nhưng chưa giải thoát, vì khiến đạt được giải thoát, nên theo phương tiện giảng nói về Tuệ học tăng thượng. Do nhân duyên này, ác người tu hành, mọi chỗ hành trì đều được rốt ráo. Đây là hiển bày một ý của Đức Thế Tôn tuyên thuyết tất cả các học thảy đều được gồm thâu trong ba học ấy.

Lại vì nhằm nêu rõ, ở trong các Học, do phương tiện ấy nên các học được thành tựu đầy đủ. Do đấy, Tụng tiếp theo viết:

Phải viên mãn sáu chi
Thành tựu bốn lạc trụ
Đối bốn đều bốn Hành
Trí tuệ thường thanh tịnh.

Trong Tụng này, theo như thứ lớp hiển thị về phương tiện thành tựu đầy đủ ba học.

"Phải viên mãn sáu chi": Là nên dựa vào phương tiện của Giới học tăng thượng để tu học. Những gì là sáu chi? Đó là:

- An trụ nơi Thi-la tịnh.
- Giữ gìn Luật nghi Biệt giải thoát.
- Các thứ phép tắc đều viên mãn.
- Đối tượng Hành đều tròn đủ.
- Nơi các tội nhỏ luôn thấy sợ hãi lớn.
- Thọ học các học xứ.

Sáu chi như thế là hiển thị về bốn thứ Thi-la thanh tịnh.

An trụ nơi Thi-la tịnh: Là nêu chỗ dựa căn bản. Giữ gìn Luật nghi Biệt giải thoát: Là hiển bày về xuất ly nơi Thi la thanh tịnh, vì cầu giải thoát mà xuất ly.

Các thứ phép tắc, đối tượng hành đều viên mãn: hai thứ này hiển thị về Thi la thanh tịnh không có điều chê trách, hủy phạm.

Nơi các tội nhỏ luôn thấy sợ hãi lớn: Là hiển bày Thi-la thanh tịnh không ó thiếu xót hay xuyên tạc.

Thọ học các học xứ: Là làm rõ Thi-la thanh tịnh không điên đảo. Sáu chi được viên mãn hết mực như thế, nên Giới học tăng thượng, đối với các phương tiện khác làm chỗ nương dựa.

"Thành tựu bốn lạc trụ": Là hiển thị phương tiện của Tâm học tăng thượng. Bốn thứ Tĩnh hệ gọi là bốn Tâm trụ. Trụ nơi hiện pháp lạc nên gọi là Lạc. "Đối bốn đều bốn Hành, Trí tuệ thường thanh tịnh": Là dựa vào Tuệ học tăng thượng mà nói. Nghĩa là ở trong bốn Thánh đế Khổ Tập Diệt Đạo, mỗi mỗi đế đều có bốn Hành, tức vô thường v.v... Tuệ học tăng thượng do trí thanh tịnh ấy mà được hiển bày.

"Trước khéo trụ căn bản, Kế tâm vui tịnh tĩnh, Sau Thánh kiến ác kiến, Tương ưng không tương ưng":

Tụng này nêu rõ về thứ lớp sinh khởi của ba học tăng thượng.

Căn bản: Đó là Giới tăng thượng, do hai loại học sau lưu xuất từ loại học thứ nhất. Đã gồm đủ Thi-la, vì không hối tiếc v.v... , lần lượt

được tu tập nên có thể đạt được Học thứ hai là Định Tâm lạc tĩnh. Tâm được định rồi, thấy đúng như thật, nên có thể đạt được học thứ ba là thành tựu Thánh kiến, xa lìa Ác kiến.

"Trước tịnh, lạc Tĩnh lự, Cùng thiện xảo nơi tế, Tức ở trong các đế, Nên sanh viễn tăng trưởng": Tụng này làm rõ về thứ lớp thanh tịnh sai biệt của ba Học.

Trước tịnh: Là Học thứ nhất.

Lạc Tĩnh lự: Là Học thứ hai.

Thiên xảo nơi đế: Là Học thứ ba.

Lại, ở trong đế thiện xảo như vậy, nên sanh: tức là Đạo đế nên sanh khởi. Nên viễn: Tức khổ Tập đế nên xa lìa. Nên tăng trưởng: Là diệt đế. Các phẩm loại phiền não hạ trung thượng, lần lượt theo thứ lớp được đoạn trừ dần, là diệt tăng trưởng.

"Ở trong các Học xứ, có bốn nẻo, ba chốn, Xa lìa nơi hai nẻo, Nơi hai nẻo chứng đắc": Tụng này hiển thị về Học xứ của Giới Tâm Tuệ tăng thượng. Do chỗ tu học có thành bại, nên tùy sự ứng hợp, quả báo đạt được có bốn nẻo sai biệt. Đó là:

Nẻo thiện hiện có thuộc về cõi nhân, thiên nơi dục giới, là quả đạt được của Giới tăng thượng thành tựu.

Nẻo ác hiện có thuộc về các cõi còn lại nơi dục giới, là quả đạt được của Giới tăng thượng thất bại.

Nẻo trên hiện có thuộc về cõi Trời nơi Sắc giới, Vô sắc giới, là quả đạt được của Tâm tăng thượng.

Cảnh giới Niết bàn không thuộc về ba cõi, là quả của tuệ tăng thượng. Ở trong các nẻo như vậy, đãxa lìa hai nẻo thiện ác trước rồi, nên chứng đắc hai nẻo trên sau và cảnh giới Niết-bàn. Câu này hiển thị chỗ đạt được của hai đạo thế gian xuất thế gian.

"Hai an trụ hai loại, Một hay hướng Niết-bàn, Lần lượt làm nhân duyên, Thuần tạp mà tu tập": Nơi Tụng này hiển thị Giới học tăng thượng là đầu tiên, kế là Tâm học tăng thượng, lần lượt làm nhân duyên an trụ của Tâm học tăng thượng, Tuệ học tăng thượng. Hiển thị tĩnh lự, Tuệ tăng thượng trung gian. Giới học tăng thượng thuộc về Luật nghi, có thể làm nhân duyên an trụ cho hai loại, hiển thị một loại đối tượng, có thể làm nhân duyên an trụ cho Niết-bàn. Nên biết trong đây nêu rõ việc tu tập hoặc riêng hoặc chung theo chỗ ứng hợp.

"Trước tiên lìa ố tác, Sau cùng vui thành mãn, các học đó là đầu, nơi học ấy thông sáng": Tụng này nêu rõ, do Giới học tăng thượng, vì không hối tiếc v.v... lần lượt tu tập, làm nhân duyên cho Học sau.

"Do trí đó tu tịnh, Tịnh sanh vui thành mãn, Các loại đó là giữa, Nơi học này thông sáng": Tụng này nêu rõ do tu tập Tâm học tăng thượng, trí Tuệ được thành tự, thiện căn tối thắng lần lượt sanh khởi, nên là Nhân học tối thượng.

"Theo tâm ấy giải thoát, Diệt hẳn các hý luận, Các học đó là trên, Nơi học ấy thông sáng": Tụng này hiển thị, do Tuệ học tăng thượng, nên có thể làm nhân quả của Niết bàn tối thắng.

"Nếu hành hướng bất tịnh, Cũng hướng nơi cõi thiện, Hành nấy gọi là đầu, Nên biết đấy chẳng chung": Tụng này làm rõ về Giới học tăng thượng. Nếu có hủy bại là nhân của cõi Ác. Nếu có thể thành lập, là nhân của cõi thiện. Đây là không chung, vì lìa hai Học sau cũng có thể thành lập.

" Nếu hành hướng thanh tịnh, Không các cõi cứu cánh, Hành đó gọi là giữa, Nên biết cũng không chung": Tu5ng này hiển bày về Hành của Học trung gian, Lìa dục của cõi dục, đạt thanh tịnh của hướng thanh tịnh. Chưa có thể lìa hết dục nơi cõi trên, cũng chưa vĩnh viễn dứt hẳn các tùy miên của cõi dục, nên không được gọi là ở trong các cõi đạt thanh tịnh rốt ráo. Vì đây lìa tối thượng cũng có thể thành tựu đầy đủ, nên gọi là không chung, không phải là lìa loại trước tiên.

"Nếu hành hướng thanh tịnh, Nơi các cõi cứu cánh, Hành này gọi tôn quý, Nên biết đây tất chung": Tụng nàu hiển thị Hành của Học xứ tối thượng. Các dục của ba cõi đều xa lìa. Cũng có thể vĩnh viễn dứt hẳn cá Tùy miên, nên ở trong các cõi là cứu cánh tột bậc. Không lìa hai thứ trước, có thể riêng thành tựu đầy đủ, nên gọi là tất chung.

"Như Hữu học Vô học, Nên biết điều thông sáng": Nửa Tụng đầu này nêu rõ tướng của bậc thông sáng ở trong ba Học, có chánh học nên không có tà học.

"Như Hữu học Vô học, Nên biết điều ngu phu": Nửu Tụng sau này nêu rõ tướng của hàng ngu phu ở trong ba Học, có tà học nên không có chánh học.

"Nếu từ bỏ thân phận, Cũng đoạn trừ thô trọng, Và hiện thấy sở tri, Là thọ trì ba Học" Tụng này hiển bày: Nếu có thể từ bỏ các thứ thâu nhận của gia đình thân thuộc; Nếu có thể đoạn trừ các thứ thô trọng làm chướng ngại Tam ma địa; Nếu có thể hiện thấy lý nơi đối tượng nhận thức (sở tri) của Tướng bốn Thánh đế; như thứ lớp ấy, ba Học thành tựu viên mãn.

"Như có duyên không duyên, Cũng thể hiện thô tế": Nửu Tụng đấu này làm rõ về hai Học sau cùng hai Học đầu tiên. Theo như thứ lớp

của chúng nên có sai biệt về có duyên, không duyên, tế thô.

"Do thọ trì xa lìa, Ngôn phát, tỏ chỗ dẫn": Nửu Tụng sau này hiển thị về nhân duyên dẫn phát theo như thứ lớp đầu giữa sau. Đó là sự dẫn phát của thệ nguyện, mong muốn. Sự dẫn phát của Thân tâm xa lìa. Sự dẫn phát do ngôn âm kẻ khác khiến chánh tư duy bên trong.

"Học đầu chỉ có một, Học thứ hai hai loại, Học thứ ba đủ ba, bậc Tuệ đều siêu việt": Tụng này nêu rõ về một đầu không chung, giữa không lìa đầu, trên không lìa hai, vượt quá tất cả ấy, nên biết vô học là bậc nhất La-hán.

"Không hủy hoại Thi-la, Nơi học, nguyền luôn thuận, Khuôn phép không luận trách, nơi năm xứ xa lìa" Tụng hiển thị về tướng thọ trì giới không hủy hoại Thi-la.

Nơi học: là an trụ nơi Tịnh giới.

Nguyện luôn thuận: Là giữ gìn Luật nghi Biệt giải thoát.

Khuôn phép không luận trách: Là khuôn phép thì không phạm.

Nơi năm xứ xa lìa: Là đối tượng hành không hủy phạm, lược có năm xứ không phải là nơi nên làm của các Bí-sô. Đó là: Vương gia, nhà xướng lệnh, nhà bán rượu, nhà ca hát uế tạp, nhà Chiên trà la và nhà Yến-sỉ-Na.

Nhà xướng lệnh: Là nhà giết mổ dê. Do vì tuyên cáo khắp sự giết hại dê này thành tội cực nặng, tạo nhiều nghiệp ác như giết hại dê ...

"Nếu không phạm xuất ly, Không ố tác ố tác": Hiển bày nơi các tội nhỏ luôn thất sợ hãi lớn. Như nơi xuất ly cũng không ố tác. Như chỗ ố tác, cũng không có phạm.

"Đối Học kia tìm cầu, cùng siêng tu hành ấy": Là nêu rõ thọ học nơi Học xư.

"Trọn không có từ bỏ. Mạng khó cũng không thiếu, Thường trụ trong chánh hạnh, Theo Tỳ-nại-da chuyển": Bốn câu của Tụng này, như thứ lớp của chúng, hiển thị về Tánh Thi-la thường hằng, Tánh Thi -la kiên cố, Tánh luôn tạo tác, Tánh luôn tùy chuyển.

"Trước là nguyền tu trị, cũng tu trị mang tịnh" Nữa Tụng đầu này hiển bày về khuôn phép và mạng thanh tịnh. Do các khuôn phép, trước phát thệ nguyện, mới có thể tu hành nên gọi là Thệ.

"Hai bên đều xa lìa, Cũng buông bỏ nguyện tà": Nửa Tụng sau này hiển thị việc xa lìa hai biên thọ dụng dục và tự khổ, cùng xả bỏ ác nguyện như Sanh thiên, nên Thi-la thanh tịnh.

"Nơi các phép chướng ngại, Trọn không có nhiễm đắm, Pháp loạn tâm vừa sanh, tìm nên mau xa lìa": Tụng này làm rõ về chướng ngại do

không giữ gìn ở các căn môn trong pháp tu học không thất công đức. Do không đắm nhiễm nên đối với các dục sân, tầm bất thiện làm nhiễu loạn ý pháp tuy tạm thời sanh khởi nhưng liền trừ diệt.

"Không nổi chìm thái quá, hằng khéo trụ chánh niệm, Quyến thuộc căn bản tịnh, mà tu hành phạm hạnh": Tụng này hiển bày xa lìa ố tác nhỏ yếu, xa lìa ố tác không đúng chỗ, xa lìa thất niệm, nên đối với lúc nơi cứu cánh và lúc nơi phương tiện, tu hành phạm hạnh đều được thanh tịnh.